TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **151**/2017/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 15 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2017 /TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 32C phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: Đội 1, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- **Bị đơn:** Ông **Mai Ngọc Đ**- Sinh năm 1979; Địa chỉ: K04/40 đường B, tổ 32C phường T, quận S, TP Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Ngọc Đ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 228, đăng ký ngày 26.9.2012 tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Mai Ngọc Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Ngọc Đ xác định có 01 con chung: Mai Tiến Ph, sinh ngày 27.10.2012.

Ly hôn, bà H và ông Đ thỏa thuận giao con chung Mai Tiến Ph cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn đ□ợc thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi ng□ời nuôi con hoặc yêu cầu cấp d□ỡng nuôi con.

- **Về quan hệ tài sản chung**: Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Ngọc Đ xác định không có.

- **Về quan hệ nợ chung:** Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Ngọc Đ xác định không có

Án phí HNGĐ- ST: 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà H và ông Đ mỗi người phải chịu một nửa, nhưng bà H tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng theo biên lai thu số tiền số 1815 ngày 07.7.2017. Còn lại hoàn trả cho bà H 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM